



VNU Journal of Science: Policy and Management Studies

Journal homepage: <https://js.vnu.edu.vn/PaM>



Original Article

Protection of Intellectual Property Rights of Broadcasts on Internet - Experiences from Selected Countries and Implications for Vietnam

Phan Quoc Nguyen, Le Nguyen Quynh *

Vietnam National University, 144 Xuan Thuy, Dich Vong Hau, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Received 18th September 2024

Revised 03rd June 2025; Accepted 20th June 2025

Abstract: The emergence of the Internet has introduced numerous advantages to broadcasting, offering an additional platform for its dissemination to the public. Nonetheless, this digital landscape also presents challenges in safeguarding the integrity of such broadcasts. Indeed, instances of widespread infringements upon the rights associated with online broadcasts are prevalent. Consequently, there is a pressing need for the continuous enhancement of legislation pertaining to the protection of intellectual property rights in relation to broadcasts on the Internet, along with the implementation of measures aimed at reinforcing and safeguarding the rights of intellectual property holders. Therefore, this paper will analyze the main characteristics of infringement actions against broadcasts on the Internet and the requirements for protective measures. It will also examine the current status of intellectual property rights protection for online broadcasts in various countries, in order to offer recommendations for improving relevant legal frameworks in Vietnam.

Keywords: broadcasts, Internet, protection of intellectual property rights.

* Corresponding author.

E-mail address: lnquynhdcb@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4519>

Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với chương trình phát sóng trên internet - kinh nghiệm các quốc gia và bài học cho Việt Nam

Phan Quốc Nguyên, Lê Nguyên Quỳnh*

Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 18 tháng 9 năm 2024

Chỉnh sửa ngày 03 tháng 6 năm 2025; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 6 năm 2025

Tóm tắt: Sự phát triển của Internet đã mang đến nhiều khía cạnh tích cực cho chương trình phát sóng (CTPS) khi cung cấp thêm môi trường để chương trình này tồn tại và phổ biến đến công chúng. Tuy nhiên, Internet ra đời cũng đặt ra thách thức đối với việc bảo hộ đối tượng này. Thực tế cũng cho thấy CTPS là đối tượng bị xâm phạm quyền phổ biến trên Internet. Trong bối cảnh đó, pháp luật bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) đối với CTPS trên Internet đòi hỏi phải ngày càng hoàn thiện. Bài viết sẽ phân tích đặc điểm của hành vi xâm phạm quyền đối với CTPS trên Internet và yêu cầu đặt ra với việc bảo hộ quyền SHTT đối với CTPS trên Internet, đồng thời phân tích thực trạng bảo hộ quyền SHTT đối với CTPS trên Internet tại một số quốc gia nhằm đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện các quy định pháp lý có liên quan của Việt Nam.

Từ khóa: CTPS, Internet, bảo hộ quyền SHTT.

1. Đặt vấn đề

Trong thời đại khoa học và công nghệ phát triển mạnh mẽ, sự ra đời và phát triển của Internet đã mang lại nhiều cơ hội cho CTPS, khi chương trình này có thêm một phương thức để tồn tại, truyền tải và phổ biến đến công chúng một cách rộng rãi, nhanh chóng và hiệu quả. Tuy nhiên, Internet cũng đặt ra yêu cầu bức thiết đối với việc hoàn thiện cơ chế bảo hộ quyền SHTT đối với CTPS. Bởi lẽ, đặc điểm của môi trường số đã làm thay đổi bản chất của việc khai thác, sao chép và truyền dẫn CTPS, đồng thời làm xuất hiện nhiều thách thức mới trong việc xác định phạm vi quyền và đối tượng được bảo hộ. Cụ thể:

i) Trong môi trường Internet, việc sao chép, truyền dẫn, lưu trữ và phân phối CTPS trở nên

đơn giản, thuận tiện, chất lượng gần như bản gốc và chi phí thấp, thậm chí bằng không. Điều này đòi hỏi quy định pháp luật về bảo hộ quyền SHTT đối với CTPS phải đầy đủ, rõ ràng về khái niệm “sao chép”, “bản sao” và phạm vi quyền của tổ chức phát sóng để làm cơ sở cho việc bảo vệ sau này;

ii) Internet làm thay đổi nhu cầu, thị hiếu và cách thức tiếp cận CTPS của công chúng. Người dùng có thể nhanh chóng tìm kiếm và sử dụng CTPS mọi lúc, mọi nơi, bao gồm cả những chương trình có bản quyền lẫn nội dung bị xâm phạm quyền nhưng vẫn được chia sẻ miễn phí và truy cập dễ dàng. Điều này đặt ra yêu cầu đối với pháp luật bảo hộ quyền SHTT phải đủ tầm để bao quát những đặc điểm phi truyền thống của môi trường mạng.

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: lnquynhdc@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4519>

Hiện nay, sự phát triển của công nghệ số và không gian mạng đặt ra yêu cầu cấp thiết hoàn thiện pháp luật về SHTT, đặc biệt là bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan đối với CTPS trên Internet. Nghị quyết 52-NQ/TW và Chiến lược SHTT đến năm 2030 đều nhấn mạnh việc tăng cường bảo vệ quyền SHTT trên môi trường số nhằm hỗ trợ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và ngăn chặn vi phạm bản quyền. Do đó, việc nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực này là rất cần thiết.

Trong bối cảnh đó, mặc dù pháp luật về bảo hộ quyền SHTT đối với CTPS trên Internet ở Việt Nam đã và đang được hoàn thiện, nhưng vẫn còn nhiều khoảng trống và bất cập, chưa theo kịp sự thay đổi và phát triển nhanh chóng của công nghệ và xã hội. Do vậy, nghiên cứu kinh nghiệm các quốc gia và rút ra bài học hoàn thiện cơ chế pháp luật bảo hộ quyền SHTT đối với CTPS trên môi trường Internet là rất cần thiết.

2. Tình hình nghiên cứu

Bảo hộ quyền SHTT đối với CTPS trên môi trường Internet là lĩnh vực khá mới mẻ, chưa thu hút nhiều công trình nghiên cứu. Ở Việt Nam, khi nghiên cứu về vấn đề bảo hộ quyền SHTT trên Internet, các công trình thường tập trung vào nghiên cứu về quyền tác giả với các đối tượng như tác phẩm điện ảnh, tác phẩm âm nhạc, tác phẩm văn học, nên số lượng nghiên cứu về bảo vệ quyền đối với CTPS trên Internet chiếm số lượng còn hạn chế. Trên thế giới, vấn đề này đã được nghiên cứu sớm hơn trong bối cảnh sự phát triển của công nghệ số và các nền tảng trực tuyến. Nhìn chung, đã có một số công trình khoa học đề cập đến vấn đề này hoặc liên quan đến vấn đề bảo hộ quyền SHTT đối với CTPS.

Luận án tiến sĩ “*Khả năng cấp quyền bảo vệ pháp lý và quyền sở hữu trí tuệ mới cho các tổ chức phát sóng chống lại việc khai thác trái phép các chương trình phát sóng của họ*” do Gholamreza Rafiei thực hiện tại Đại học Neuchâtel (Thụy Sĩ) năm 2015 [1] đã phân tích toàn diện các thách thức pháp lý trong việc bảo hộ tín hiệu phát sóng trước những hành vi xâm phạm trên nền tảng số, đặc biệt là Internet. Tác

giả kiến nghị xây dựng một hiệp ước quốc tế mới với định hướng trung lập về công nghệ, nhằm mở rộng phạm vi bảo hộ tín hiệu phát sóng trên mọi nền tảng truyền dẫn, bao gồm cả phát sóng trực tuyến. Bên cạnh đó, luận án cũng đề xuất bổ sung các quyền mới cho tổ chức phát sóng như quyền ghi, quyền phát lại và quyền cung cấp theo yêu cầu, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả bảo hộ trong môi trường số, đồng thời bảo đảm sự phù hợp với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ truyền thông hiện đại.

Tiếp nối hướng tiếp cận đó, bài viết “*Vi phạm bản quyền trong môi trường số*” của Irina Atanasova đăng trên Tạp chí Luật và Kinh tế năm 2019 [2] đã đề cập đến quyền tác giả và quyền lợi hợp pháp trong bối cảnh môi trường số, đặc biệt là các nội dung liên quan đến chương trình truyền hình được phát sóng qua Internet. Tác giả trình bày rõ ràng về trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ trực tuyến (OSP), đồng thời làm nổi bật thách thức trong việc cân bằng giữa bảo vệ quyền phát sóng và đảm bảo quyền tiếp cận thông tin – một vấn đề đang ngày càng trở nên cấp thiết trong kỷ nguyên số hóa hiện nay.

Bên cạnh các công trình trên, bài báo “*Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực truyền hình và Internet. Khái niệm teleformat*” do Halyna Ulianova, Nataliia Baadzhy, Oleksii Podoliev, Denys Vlasiuk và Hanna Chumachenko công bố trên Tạp chí Luật Ius Humani năm 2021 [3] đã phân tích và so sánh các quy định liên quan đến vấn đề bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với chương trình phát sóng tại các điều ước quốc tế như Công ước Bern 1886, Hiệp định TRIPS, Hiệp ước WIPO 1996,... Qua đó, công trình chỉ ra rằng các quy định của Công ước Rome 1961 chưa thể cung cấp mức độ bảo vệ thích hợp cho các quyền của các tổ chức phát sóng, điển hình là việc định nghĩa “phát sóng” còn bỏ sót các phương thức phát sóng hữu tuyến và phát sóng trên Internet. Đây là nguồn tài liệu tham khảo hiệu quả trong việc hoàn thiện định nghĩa về phát sóng theo hướng bao hàm cả phát sóng vô tuyến và phát sóng qua Internet, góp phần tạo cơ sở pháp lý vững chắc để bảo vệ quyền lợi của các tổ chức phát sóng trong môi trường số hiện nay.

Ở khía cạnh gần hơn với thực tiễn phát sóng nội dung thể thao – một lĩnh vực có giá trị thương mại cao và dễ bị vi phạm bản quyền – Luận án “*Quyền phát sóng trên Internet*” của Francisco Alemany Sagüés tại Đại học Leiden (Hà Lan) năm 2014 [4] đã tập trung phân tích quyền phát sóng đối với các chương trình truyền hình thể thao, đặc biệt là bóng đá, trên môi trường Internet. Tác giả làm nổi bật vai trò và trách nhiệm ngày càng gia tăng của các nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP) trong việc bảo vệ quyền liên quan đối với chương trình phát sóng. Đồng thời, nghiên cứu cũng đặt ra yêu cầu cần có một sự phân bổ trách nhiệm hợp lý đối với ISP, bảo đảm rằng các nghĩa vụ pháp lý mà họ phải gánh vác không vượt quá khả năng thực hiện, nhưng vẫn đủ mạnh để bảo vệ hiệu quả các quyền lợi hợp pháp trong bối cảnh số.

Không chỉ thu hút sự quan tâm trong học giới quốc tế, chủ đề này cũng đã được nhiều học giả Việt Nam tiếp cận dưới các góc nhìn đa dạng, từ việc phân tích khung pháp lý hiện hành đến đánh giá tác động của công nghệ mới và đề xuất hoàn thiện chính sách pháp luật. Một số công trình tiêu biểu dưới đây đã góp phần quan trọng vào việc nhận diện và giải quyết các thách thức pháp lý đặt ra trong thực tiễn Việt Nam hiện nay.

Luận án tiến sĩ luật học “*Bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan đối với chương trình truyền hình*” của Nguyễn Phan Diệu Linh, bảo vệ tại Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2024 [5], đã có những đóng góp đáng kể trong việc hệ thống hóa và phân tích toàn diện các vấn đề pháp lý liên quan đến bảo hộ quyền tác giả (QTG) và quyền liên quan (QLQ) đối với chương trình truyền hình. Việc đặt nội dung nghiên cứu trong bối cảnh tác động của công nghệ số, Internet và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư thể hiện tư duy cập nhật, phản ánh sát thực các thách thức hiện nay. Đặc biệt, các phân tích về kinh nghiệm quốc tế được trình bày rõ ràng, qua đó cung cấp cơ sở tham khảo quan trọng cho việc nghiên cứu và hoàn thiện pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực này.

Bên cạnh đó, bài viết “*Trách nhiệm của nhà cung cấp dịch vụ trung gian đối với hành vi xâm phạm quyền tác giả trong môi trường số*” của

Nguyễn Ngọc Duy Uyên đăng trên Tạp chí Khoa học và Công nghệ năm 2023 [6] đã có những đóng góp nhất định trong việc phân tích khung pháp lý hiện hành, đặc biệt là thông qua việc tiếp cận có hệ thống Nghị định 17/2023/NĐ-CP. Tác giả đã so sánh, đối chiếu với pháp luật nước ngoài, qua đó làm rõ những ưu điểm và hạn chế của pháp luật Việt Nam, đồng thời đưa ra các kiến nghị có giá trị tham khảo cho quá trình hoàn thiện chính sách pháp lý liên quan đến trách nhiệm của nhà cung cấp dịch vụ trung gian.

Ngoài ra, bài viết “*Bảo hộ quyền tác giả dưới tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0*” của Nguyễn Phương Thảo, công bố năm 2022 trên Tạp chí Khoa học và Công nghệ [7] đã phân tích sâu sắc những tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến hành vi xâm phạm quyền tác giả tại Việt Nam. Thông qua các dẫn chứng thực tiễn như việc các chương trình phát sóng phổ biến (Táo Quân, World Cup 2018) bị xâm phạm trên Internet, tác giả đã chỉ ra những bất cập trong quy định hiện hành và đề xuất sửa đổi, bổ sung chế tài để tăng cường hiệu quả xử lý vi phạm. Đồng thời, bài viết cũng đề cập đến trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian, góp phần làm rõ một trong những vấn đề pháp lý đang được quan tâm trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

Tổng quan có thể thấy rằng, do cách tiếp cận vấn đề khác nhau, nên dù các nghiên cứu trước đây đã đề cập đến một số khía cạnh liên quan, nhưng vẫn chưa hoàn toàn tập trung vào vấn đề bảo hộ quyền SHTT đối với CTPS trên Internet. Nhiều công trình tiếp cận vấn đề theo hướng tổng quát hoặc đặt trong bối cảnh rộng hơn về QTG và QLQ trong môi trường số, nên chưa tập trung làm rõ đặc thù pháp lý riêng của loại hình CTPS, cũng như chưa đề cập sâu đến các hình thức truyền dẫn mới như livestream, OTT (over-the-top, gồm các dịch vụ cung cấp nội dung như video, phim ảnh, truyền hình hoặc nhắn tin qua Internet, không cần thông qua hệ thống truyền hình cáp hay mạng di động truyền thống) – những yếu tố đang làm gia tăng vi phạm quyền trong thực tiễn. Bên cạnh đó, một số tài liệu nước ngoài chủ yếu dựa trên khuôn khổ pháp lý liên minh châu Âu, nên khi áp dụng vào bối cảnh Việt

Nam vẫn còn gặp khó khăn do khác biệt về năng lực thực thi và điều kiện hạ tầng. Ngoài ra, hướng tiếp cận trong một số bài viết nghiêng về khía cạnh thực thi hoặc trách nhiệm của nhà cung cấp dịch vụ trung gian, trong khi vấn đề xây dựng cơ chế bảo hộ quyền phát sóng từ nền tảng pháp lý vẫn chưa được nghiên cứu chuyên sâu.

Trên cơ sở kế thừa và nhận diện những khoảng trống đó, kết hợp với việc tham khảo quy định của một số quốc gia, bài viết này tiếp cận vấn đề từ góc nhìn chuyên sâu về bảo hộ CTPS trên Internet, tập trung làm rõ các khái niệm pháp lý nền tảng như “phát sóng”, làm rõ và bổ sung cơ sở pháp lý về một số quyền của tổ chức phát sóng gắn với môi trường Internet, cũng như phân tích các hình thức truyền dẫn mới như OTT để từ đó đề xuất giải pháp phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

3. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp phân tích – tổng hợp*: Được sử dụng xuyên suốt quá trình nghiên cứu nhằm hệ thống hóa, phân tích các quy định pháp luật hiện hành về bảo hộ quyền SHTT đối với CTPS, đặc biệt trong môi trường Internet. Phương pháp này cũng được áp dụng để tổng hợp lập luận, đối chiếu giữa các nguồn tài liệu khác nhau, từ đó rút ra nhận định chung và đánh giá khoa học.

- *Phương pháp so sánh pháp luật*: Được sử dụng để đối chiếu, phân tích các quy định pháp luật của một số quốc gia từ đó rút ra điểm tương đồng, khác biệt và đánh giá mức độ hiệu quả trong bảo hộ quyền SHTT đối với chương trình phát sóng trực tuyến. Đây là cơ sở quan trọng để rút ra bài học có thể vận dụng phù hợp tại Việt Nam.

- *Phương pháp thống kê, thu thập tư liệu*: Sử dụng để tập hợp các dẫn chứng thực tế liên quan đến tình trạng xâm phạm quyền SHTT đối với chương trình phát sóng trên Internet và thực tiễn xử lý các hành vi xâm phạm tại Việt Nam.

- *Phương pháp bình luận và đánh giá pháp lý*: Giúp đưa ra nhận xét, bình luận về những điểm hợp lý, bất cập trong các quy định pháp luật và thực tiễn thi hành, từ đó làm cơ sở đề xuất kiến nghị hoàn thiện pháp luật tại Việt Nam.

4. Kết quả nghiên cứu và đánh giá

Để có cơ sở phân tích, đánh giá quy định pháp luật hiện hành và thực tiễn bảo hộ quyền SHTT đối với CTPS trên môi trường Internet, trước hết cần làm rõ khái niệm “chương trình phát sóng”.

Dưới góc độ ngữ nghĩa, hiện nay, chưa có một định nghĩa cụ thể về “CTPS” mà chỉ có định nghĩa về “chương trình” và “phát sóng”. Trong tiếng Anh, thuật ngữ “phát sóng” hay “broadcast” ban đầu được sử dụng trong nông nghiệp để chỉ hành động canh tác trên đất rộng hoặc gieo hạt trên diện rộng, đặc biệt là bằng tay. Các kỹ sư người Mỹ nhận thấy đây là từ thích hợp để nói về hành động truyền phát đến cộng đồng khi nhận ra sự tương đồng trong việc người nông dân rải hạt giống trên cánh đồng với việc các đài phát thanh sử dụng máy phát tín hiệu hoặc sóng vô tuyến đến một khu vực [1]. Từ điển Oxford và Cambridge đều định nghĩa ngắn gọn phát sóng là “*gửi một chương trình trên truyền hình hoặc radio*” (*to send out a programme on television or radio*). Theo từ điển Cambridge, “chương trình” (program) được hiểu là một nội dung được phát sóng trên truyền hình hoặc radio, phục vụ mục đích truyền tải thông tin, giải trí hoặc giáo dục đến công chúng. Tương tự, từ điển Oxford định nghĩa “program” (trong tiếng Anh - Anh là “programme”) là một buổi phát sóng trên truyền hình hoặc đài phát thanh, hoặc là một chuỗi các sự kiện, hoạt động được lên kế hoạch cụ thể. Như vậy, có thể thấy điểm chung trong các định nghĩa về chương trình đều nhấn mạnh yếu tố lên kế hoạch, tổ chức nội dung và phát sóng tới đối tượng người xem hoặc người nghe qua phương tiện truyền thông đại chúng. Điều này cho thấy bản chất của CTPS là sản phẩm có tính sáng tạo, được chuẩn bị trước và truyền tải có chủ đích thông qua nền tảng truyền hình, radio hoặc môi trường số.

Ở Việt Nam, hiện cũng chưa có khái niệm về “chương trình phát sóng”. Theo Từ điển Tiếng Việt của GS. Hoàng Phê, “Chương trình là toàn bộ nói chung những dự kiến hoạt động theo một trình tự nhất định và trong một thời gian nhất định, nêu một cách vắn tắt”, còn “Phát sóng là

phát trên sóng vô tuyến” [8]. Theo đó, “chương trình phát sóng” được hiểu là toàn bộ những hoạt động đã được dự kiến, sắp xếp theo một trình tự nhất định, thực hiện trong một khoảng thời gian cụ thể và được truyền tải đến công chúng thông qua sóng vô tuyến.

Dưới góc độ pháp lý: Mặc dù CTPS là đối tượng bảo hộ của QLQ nhưng trong các Điều ước quốc tế, pháp luật các quốc gia cũng như pháp luật SHTT Việt Nam không đưa ra khái niệm CTPS, mà chỉ có khái niệm “phát sóng”.

Công ước Rome 1961 điều 3 đoạn f định nghĩa phát sóng là việc truyền bằng phương tiện vô tuyến những âm thanh hoặc hình ảnh và âm thanh để công chúng thu nhận. Đây là định nghĩa sớm nhất, giới hạn ở truyền dẫn không dây. Công ước Berne (1971) Điều 11 bis đoạn (1)(i) tiếp tục củng cố khái niệm phát sóng là truyền thông tác phẩm đến công chúng bằng phương tiện vô tuyến. Đến Hiệp ước WIPO năm 1996 đã mở rộng, thừa nhận phát sóng bao gồm truyền qua vệ tinh và cả tín hiệu mã hóa, miễn là phương tiện giải mã được cung cấp hợp pháp đến công chúng. Kể từ những điều ước quốc tế này, pháp luật Việt Nam tại khoản 11 điều 4 Luật SHTT cũng tiếp cận tương tự với định nghĩa cụ thể như sau: “Phát sóng là việc truyền đến công chúng bằng phương tiện vô tuyến âm thanh hoặc hình ảnh, âm thanh và hình ảnh, sự tái hiện âm thanh hoặc hình ảnh, sự tái hiện âm thanh và hình ảnh của tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, CTPS, bao gồm cả việc truyền qua vệ tinh, truyền tín hiệu được mã hóa trong trường hợp phương tiện giải mã được tổ chức phát sóng cung cấp tới công chúng hoặc được cung cấp với sự đồng ý của tổ chức phát sóng”.

Từ tổng hợp trên, định nghĩa CTPS theo góc độ pháp lý có thể được hình thành như sau: Chương trình phát sóng là một khối thông tin dưới dạng âm thanh hoặc hình ảnh (hoặc kết hợp cả hai), được tổ chức và sắp xếp có chủ đích, được truyền tải tới công chúng thông qua phương tiện điện tử (vô tuyến, vệ tinh, cáp hoặc

Internet) để công chúng có thể tiếp nhận cùng một thời điểm hoặc tại thời điểm xác định trước

“Bảo hộ” quyền SHTT là việc Nhà nước công nhận và bảo vệ quyền của tổ chức, cá nhân đối với các tài sản trí tuệ do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu, bao gồm quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng. Việc bảo hộ thể hiện ở chỗ Nhà nước ghi nhận quyền, xác định rõ phạm vi quyền, điều kiện hưởng quyền và thời hạn của quyền. “Bảo hộ” khác với “bảo vệ” bởi “bảo vệ” quyền SHTT là các biện pháp mà pháp luật và cơ quan chức năng áp dụng để ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm quyền đã được pháp luật bảo hộ, thông qua các biện pháp dân sự, hành chính, hình sự và phòng ngừa. Như vậy, có thể thấy bảo hộ là nền tảng quan trọng, tạo cơ sở pháp lý rõ ràng cho việc bảo vệ quyền khi xảy ra hành vi vi phạm.

Pháp luật Việt Nam hiện hành đã có một khung pháp lý tương đối đầy đủ về vấn đề bảo hộ quyền SHTT đối với CTPS trên Internet, tuân thủ những nguyên tắc cơ bản của các điều ước quốc tế như Công ước Rome về bảo vệ người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm và tổ chức phát sóng, Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại về quyền SHTT (TRIPS), Hiệp định thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA) hay Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Vấn đề bảo hộ quyền SHTT đối với CTPS bóng đá trên Internet được quy định chủ yếu tại Luật SHTT (hiện hành là Luật SHTT 2005 sửa đổi, bổ sung các năm 2009, 2019, 2022), ngoài ra còn chịu sự điều chỉnh của một số lĩnh vực pháp luật khác như pháp luật công nghệ thông tin, pháp luật thương mại, pháp luật dân sự, pháp luật hình sự, pháp luật hành chính. Cụ thể, theo Luật SHTT, các nội dung có liên quan đến vấn đề bảo hộ quyền SHTT đối với CTPS bóng đá trên Internet hiện nay được quy định như sau:

- Về chủ thể được bảo hộ quyền SHTT đối với CTPS trên môi trường Internet, theo quy định hiện hành tại điều 16¹, khoản 6 điều 4² Luật

¹ "Điều 16. Tổ chức, cá nhân được bảo vệ quyền liên quan. 4. Tổ chức khởi xướng và thực hiện việc phát sóng (sau đây gọi là tổ chức phát sóng)".

² "Điều 4. Giải thích từ ngữ.

6. Chủ thể quyền SHTT là chủ sở hữu quyền SHTT hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu chuyển giao quyền SHTT".

SHTT, nhận thấy quyền liên quan phát sinh đối với chủ thể tạo ra lần đầu, thực hiện phát sóng chương trình và tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu chuyển giao quyền SHTT. Quy định về vấn đề này đã đầy đủ và hợp lý, tương thích với các quy định quốc tế như Công ước Rome.

- Về đối tượng bảo vệ quyền SHTT đối với CTPS trên môi trường Internet, theo điều 17³ Luật SHTT 2005, các CTPS được bảo vệ quyền liên quan bao gồm CTPS của tổ chức phát sóng có quốc tịch Việt Nam, CTPS của tổ chức phát sóng được bảo vệ theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Có thể thấy phạm vi bảo hộ các CTPS theo pháp luật Việt Nam đã rộng rãi, áp dụng nguyên tắc quốc tịch.

- Các quy định về nội dung quyền của chủ sở hữu quyền đối với CTPS đã nội luật hoá các yêu cầu về quyền tối thiểu của các tổ chức phát sóng theo Công ước Rome 1961. Khoản 1, Điều 31⁴ Luật SHTT 2005 quy định cho tổ chức phát sóng được phép độc quyền hoặc cho phép tổ chức, cá nhân khác thực hiện các quyền: Phát sóng, tái

phát sóng CTPS của mình; Sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp toàn bộ hoặc một phần bản định hình CTPS của mình bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào; Định hình CTPS của mình; Phân phối, nhập khẩu để phân phối đến công chúng thông qua bán hoặc hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác đối với bản định hình CTPS của mình dưới dạng hữu hình. Ngoài những độc quyền trên, chủ thể quyền đối với CTPS trên Internet cũng có những giới hạn quyền. Các hành vi chủ thể quyền đối với CTPS không có quyền ngăn cấm tổ chức, cá nhân khác thực hiện được quy định tại khoản 3 điều 31⁵ Luật SHTT 2005. Các trường hợp tổ chức, cá nhân có thể sử dụng CTPS đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền bản quyền nhưng phải thông tin về CTPS được quy định tại khoản 1 điều 32⁶ Luật SHTT 2005.

- Các biện pháp pháp lý theo Luật SHTT hiện hành được sử dụng để xử lý hành vi xâm phạm quyền đối với CTPS trên Internet hiện nay bao gồm cả biện pháp dân sự, biện pháp hình sự và biện pháp hành chính, tùy theo mức độ vi phạm

³ "Điều 17. Các đối tượng quyền liên quan được bảo vệ
3. Chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá được bảo vệ nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá của tổ chức phát sóng có quốc tịch Việt Nam;
b) Chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá của tổ chức phát sóng được bảo vệ theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên".

⁴ "Điều 31. Quyền của tổ chức phát sóng

1. Tổ chức phát sóng có độc quyền thực hiện hoặc cho phép tổ chức, cá nhân khác thực hiện các quyền sau đây:

a) Phát sóng, tái phát sóng CTPS của mình;
b) Sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp toàn bộ hoặc một phần bản định hình CTPS của mình bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;
c) Định hình CTPS của mình;
d) Phân phối, nhập khẩu để phân phối đến công chúng thông qua bán hoặc hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác đối với bản định hình CTPS của mình dưới dạng hữu hình, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này".

⁵ "3. Chủ sở hữu quyền đối với CTPS không có quyền ngăn cấm tổ chức, cá nhân khác thực hiện các hành vi sau đây:

a) Sao chép CTPS chỉ để thực hiện các quyền khác theo quy định của Luật này; sao chép tạm thời theo một quy trình

công nghệ, trong quá trình hoạt động của các thiết bị để truyền phát trong một mạng lưới giữa các bên thứ ba thông qua trung gian hoặc sử dụng hợp pháp CTPS, không có mục đích kinh tế độc lập và bản sao bị tự động xóa bỏ, không có khả năng phục hồi lại;

b) Phân phối lần tiếp theo, nhập khẩu để phân phối đối với bản định hình CTPS đã được chủ sở hữu quyền thực hiện hoặc cho phép thực hiện việc phân phối".

⁶ "Điều 32. Các trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền liên quan

1. Các trường hợp sử dụng cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, CTPS đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền bản quyền nhưng phải thông tin về cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, CTPS bao gồm:

a) Ghi âm, ghi hình trực tiếp một phần cuộc biểu diễn để giảng dạy không nhằm mục đích thương mại hoặc để đưa tin thời sự;

b) Tự sao chép hoặc hỗ trợ người khuyết tật sao chép một phần cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, CTPS nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, học tập của cá nhân và không nhằm mục đích thương mại;

c) Sao chép hợp lý một phần cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, CTPS để giảng dạy trực tiếp của cá nhân và không nhằm mục đích thương mại, trừ trường hợp cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, CTPS này đã được công bố để giảng dạy;

d) Trích dẫn hợp lý nhằm mục đích đưa tin thời sự;

đ) Tổ chức phát, tự làm bản sao tạm thời để phát sóng khi được hưởng quyền phát sóng".

của chủ thể có hành vi. Ngoài ra, chủ thể quyền có thể áp dụng các biện pháp công nghệ để bảo vệ quyền SHTT đối với CTPS của mình. Việc bảo hộ các biện pháp công nghệ cũng được Việt Nam luật hóa theo những quy tắc chung tại các điều ước quốc tế như EVFTA hay CPTPP (Điều 12.12 EVFTA và Điều 18.68 CPTPP được Việt Nam luật hóa tại khoản 4, 5 Điều 28 và khoản 5, 6 Điều 35 Luật SHTT, theo đó việc cố ý hủy hoại hoặc vô hiệu hóa biện pháp công nghệ bảo vệ bản quyền là hành vi xâm phạm QTG, QLQ). Trên thực tế, với đặc thù môi trường Internet, biện pháp tự bảo vệ được áp dụng phổ biến là các biện pháp công nghệ như chặn người dùng truy cập vào các trang web trái phép, gỡ bỏ các trang web, đường link xâm phạm,... Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý hành vi xâm phạm cũng được các cơ quan có thẩm quyền áp dụng phổ biến và đạt được những kết quả nhất định. Đối với việc áp dụng các biện pháp pháp lý để xử lý vi phạm, một số doanh nghiệp tích cực áp dụng biện pháp khởi kiện đã tạo cơ sở để cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp dân sự, điển hình như trong mùa giải bóng đá 2016-2017, VTVcab khởi kiện nhiều đơn vị "ăn cắp" bản quyền Champions League, kết quả là các đơn vị đó đã phải thừa nhận và xin hòa giải, đăng tải chính công khai liên tiếp bảy số báo liên tiếp, gỡ bỏ toàn bộ link vi phạm. Biện pháp hình sự được áp dụng còn rất hạn chế. Ngày 22/4/2024, Việt Nam mới có bản án hình sự lần đầu tiên về tội vi phạm bản quyền trực tuyến giải bóng đá đối với website BestBuy IPTV.

Liên quan đến bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với chương trình phát sóng trên Internet, trách nhiệm của các ISP là yếu tố không thể bỏ qua. Nhận thức được điều này, pháp luật Việt Nam đã bổ sung quy định về trách nhiệm pháp lý của ISP trong Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2022, cụ thể tại Điều 198b, và được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định 17/2023/NĐ-CP. Ngoài ra, các ISP còn phải tuân thủ các nghĩa vụ theo Luật Công nghệ thông tin năm 2006. Hệ thống pháp luật hiện hành đã quy định cả trách nhiệm phòng ngừa và xử lý hành vi xâm phạm, cũng như quy trình gỡ bỏ hoặc ngăn chặn truy cập đến nội dung vi phạm cho ISP. Tuy nhiên, vấn đề then chốt

vẫn là bảo đảm việc thực thi hiệu quả các quy định này để nâng cao hiệu quả bảo hộ quyền SHTT đối với chương trình phát sóng.

Mặt khác, những quy định trong pháp luật SHTT về bảo hộ quyền đối với CTPS trên Internet vẫn tồn tại một số bất cập như sau:

Thứ nhất, định nghĩa phát sóng hiện nay theo quy định tại điều 3 khoản 11 Luật SHTT mặc dù đã tương thích với quy định của Công ước Rome 1961. Tuy nhiên, định nghĩa này không thể cung cấp mức độ bảo vệ thích hợp cho các quyền của các tổ chức phát sóng khi không bao gồm việc phát sóng qua cáp và vệ tinh và không bao gồm truyền hình internet (IPTV, Mobile-TV,...) do không quy định về phương thức phát sóng qua Internet và phát sóng hữu tuyến.

Có thể hiểu “phát sóng hữu tuyến” là việc truyền dẫn các CTPS đến công chúng thông qua hệ thống dây cáp hoặc các phương tiện truyền dẫn vật lý khác, thay vì truyền qua sóng điện từ trong không gian như phát sóng vô tuyến. Hình thức này thường được sử dụng trong truyền hình cáp, truyền hình vệ tinh hoặc các hệ thống truyền phát nội bộ qua dây. Thuật ngữ “phát sóng hữu tuyến” trong tiếng Anh được sử dụng dưới các cụm từ “*cable broadcasting*”, “*wired broadcasting*” hoặc “*broadcast by wire*”. Trong đó, “*cable broadcasting*” phổ biến để chỉ phát sóng qua cáp, còn “*wired broadcasting*” và “*broadcast by wire*” thể hiện rõ tính chất phát sóng thông qua phương tiện hữu tuyến. Quy định thừa nhận phát sóng hữu tuyến có thể tìm thấy ở pháp luật của một số quốc gia như Hàn Quốc, Ấn Độ. Cụ thể, Đạo luật Bản quyền của Hàn Quốc (Copyright Act of The Republic of Korea -KCA) ra đời đầu tiên vào năm 1957, Điều 1 Khoản 7 định nghĩa:

“7. The term “public transmission” means transmitting works, stage performances, phonograms, broadcasts or database (hereinafter referred to as “works, etc.”) by making such available to the public by wire or wireless means so that the public may receive them or have access to them”;

(Dịch: Thuật ngữ “truyền phát công cộng” (public transmission) có nghĩa là việc truyền phát các tác phẩm, buổi biểu diễn sân khấu, bản

ghi âm, CTPS hoặc cơ sở dữ liệu (sau đây gọi chung là “tác phẩm,...”) bằng phương tiện có dây hoặc không dây để công chúng có thể nhận được hoặc tiếp cận những nội dung đó).

Đạo luật bản quyền Ấn Độ (1957) tại Điều 2 cũng thừa nhận phát sóng hữu tuyến,

“2. Interpretation.— In this Act, unless the context otherwise requires,—

*...
“broadcast” means communication to the public—*

(i) by any means of wireless diffusion, whether in any one or more of the forms of signs, sounds or visual images; or

*(ii) by wire,
and includes a re-broadcast;]”*

(Dịch: Giải thích thuật ngữ — Trong Đạo luật này, trừ khi ngữ cảnh yêu cầu khác,

*...
“Phát sóng” (broadcast) có nghĩa là việc truyền đạt đến công chúng:*

*(i) bằng bất kỳ phương thức khuếch tán vô tuyến nào, dưới một hoặc nhiều hình thức dấu hiệu, âm thanh hoặc hình ảnh trực quan; hoặc
(ii) bằng dây dẫn, và bao gồm cả việc phát sóng lại).*

Thứ hai, thiếu cơ sở pháp lý về quyền sao chép bản định hình CTPS. Khoản 10 Điều 4 Luật SHTT hiện hành thì “sao chép là việc tạo ra bản sao của toàn bộ hoặc một phần tác phẩm hoặc bản ghi âm, ghi hình bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào”. Định nghĩa này chỉ đề cập đến việc sao chép tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình mà không đề cập đến bản định hình CTPS. Ngoài ra, pháp luật hiện hành cũng không có quy định về “bản sao bản định hình CTPS”. Điều này tạo ra sự thiếu thống nhất trong quy định pháp luật bởi lẽ quyền sao chép bản định hình CTPS của chủ thể quyền đã được pháp luật ghi nhận, vì vậy định nghĩa sao chép và bản sao bản định hình CTPS cũng cần đề cập đến bản định hình CTPS để tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc bảo hộ.

Thứ ba, quy định các hành vi chủ thể quyền đối với CTPS không có quyền ngăn cấm tổ chức, cá nhân khác thực hiện tại Điểm a Khoản 3 Điều 31 Luật SHTT còn hạn chế. Cụ thể, về nội dung “sao chép tạm thời theo một quy trình công nghệ,

trong quá trình hoạt động của các thiết bị để truyền phát trong một mạng lưới giữa các bên thứ ba thông qua trung gian”: Đây là vấn đề mới được xây dựng kể từ Luật SHTT sửa đổi, bổ sung năm 2022 mô tả về quá trình sao chép phát sinh từ việc truyền tải và lưu trữ tạm thời bản định hình CTPS trong môi trường Internet. Tuy nhiên, nội dung quy định này tương đối khó hiểu khi sử dụng các cụm từ như “quy trình công nghệ”, “các thiết bị để truyền phát trong một mạng lưới giữa các bên thứ ba thông qua trung gian”, nhưng lại chưa có quy định nào giải thích để tạo cơ sở áp dụng trong thực tế. Những chủ thể có thẩm quyền sẽ gặp khó khăn khi áp dụng quy định này nếu không có sự hiểu biết nhất định trong lĩnh vực công nghệ thông tin liên quan.

5. Kết luận và đề xuất

Thứ nhất, sửa đổi quy định giải thích về “phát sóng”: Ngày nay với sự phát triển của công nghệ, việc phát sóng đã được thực hiện không chỉ qua các phương thức truyền thống mà còn thông qua những phương thức mới, cụ thể là phát sóng thông qua Internet. Sự thâm nhập của Internet đã có tác động đáng kể đến ngành phát sóng, tạo ra một sự thay đổi lớn trong việc phát triển các kỹ thuật truyền dẫn mới, trong đó nổi bật là sự xuất hiện của các nền tảng Webcasting (mô hình phân phối nội dung trên Internet, cung cấp dịch vụ phân phối tự động và có thể được cá nhân hóa) và các dịch vụ IPTV (Truyền hình giao thức Internet, dịch vụ truyền hình kỹ thuật số được cung cấp cho người tiêu dùng đã đăng ký). Trong bối cảnh đó, nếu pháp luật không ghi nhận đầy đủ những phương thức phát sóng tại định nghĩa “phát sóng” trong Luật Sở hữu trí tuệ sẽ khó tạo cơ sở ghi nhận và bảo hộ quyền đối với các tổ chức phát sóng nói chung và trên môi trường Internet nói riêng. Vì vậy, kiến nghị sửa đổi quy định giải thích “phát sóng” tại Khoản 11 Điều 4 Luật SHTT như sau:

“Phát sóng là việc truyền đến công chúng bằng phương tiện vô tuyến, hữu tuyến hoặc truyền qua Internet âm thanh hoặc hình ảnh, âm thanh và hình ảnh, sự tái hiện âm thanh hoặc hình ảnh, sự tái hiện âm thanh và hình ảnh của tác

phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, CTPS, bao gồm cả việc truyền qua vệ tinh, truyền tín hiệu được mã hóa trong trường hợp phương tiện giải mã được tổ chức phát sóng cung cấp tới công chúng hoặc được cung cấp với sự đồng ý của tổ chức phát sóng”.

Thứ hai, bổ sung cơ sở pháp lý ghi nhận quyền sao chép bản định hình CTPS:

Cần bổ sung “bản định hình CTPS” tại quy định giải thích sao chép ở Khoản 10 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ, theo đó quy định này cần sửa thành: “Sao chép là việc tạo ra bản sao của toàn bộ hoặc một phần tác phẩm hoặc bản ghi âm, ghi hình hoặc bản định hình CTPS bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào”.

Bên cạnh đó, cần bổ sung quy định về “bản sao bản định hình CTPS”. Cơ sở của việc bổ sung định nghĩa này bao gồm:

- Nghị định 17/2023/NĐ-CP hiện nay đã giải thích định nghĩa về bản sao các đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan như bản sao của tác phẩm, bản sao của bản ghi âm ghi hình⁷ tương ứng với quyền sao chép tác phẩm⁸, sao chép bản ghi âm, ghi hình⁹ của chủ thể quyền. Để tạo sự thống nhất cho các chế định, cần thiết phải xây dựng định nghĩa bản sao của bản định hình CTPS tương ứng với quyền sao chép bản định hình CTPS đã được Luật SHTT công nhận và bảo hộ.

- CTPS có tính chất kỹ thuật phức tạp và môi trường tồn tại đa dạng. Đặc biệt là với một môi trường như Internet, quá trình sao chép diễn ra tương đối phức tạp. Một vấn đề quan trọng được đặt ra là bản lưu trữ tạm thời khi duyệt web có được coi là “bản sao” hay không? Việc xác định thế nào là một bản sao bản định hình CTPS sẽ góp phần giải đáp vấn đề này, tạo cơ sở vững chắc hơn cho việc bảo hộ quyền SHTT của chủ thể quyền.

Từ định nghĩa “bản sao của tác phẩm” và “bản sao của bản ghi âm, ghi hình” theo quy định

hiện hành, nhận thấy pháp luật Việt Nam đang định nghĩa bản sao với các đặc điểm sau:

- Là bản sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp;
- Sao chép toàn bộ hoặc một phần đối tượng quyền SHTT;
- Sao chép bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào.

So sánh với định nghĩa bản sao tại Luật Bản quyền 1976 của Hoa Kỳ, nhận thấy pháp luật Hoa Kỳ có những khác biệt nhất định so với pháp luật Việt Nam. Cụ thể, theo điều 101 Luật Bản quyền 1976 của Hoa Kỳ: “Bản sao là một dạng vật liệu (không phải là một bản ghi), trên đó tác phẩm được định hình bằng bất kỳ phương tiện nào đã được biết hoặc sẽ phát triển trong tương lai và từ dạng vật liệu đó tác phẩm có thể được cảm nhận, tái bản hoặc phổ biến, hoặc là trực tiếp hoặc là với sự trợ giúp của máy móc thiết bị. Thuật ngữ bản sao bao hàm dạng vật liệu, mà không phải là một bản ghi, trên đó tác phẩm được định hình lần đầu”¹⁰. Có thể thấy, theo pháp luật Hoa Kỳ, thuật ngữ bản sao phải bao hàm cả việc nội dung của bản sao phải có thể cảm nhận, tái bản hoặc phổ biến trực tiếp hoặc với sự trợ giúp của máy móc thiết bị. Đối với CTPS, việc sao chép đối với CTPS phải thông qua sao chép bản định hình của nó, theo đó căn cứ vào định nghĩa về định hình¹¹, có thể hiểu bản định hình CTPS là sự biểu hiện bằng âm thanh, hình ảnh của CTPS dưới dạng vật chất nhất định để từ đó có thể nhận biết, sao chép hoặc truyền đạt. Do vậy, bản sao của bản định hình CTPS nhất thiết phải đảm bảo điều kiện có thể nhận biết, sao chép hoặc truyền đạt tương tự với cách quy định về bản sao của Hoa Kỳ.

Từ những phân tích trên, nhận thấy cần bổ sung quy định giải thích bản sao của bản định hình CTPS tại Nghị định 17/2023/NĐ-CP: “Bản sao của bản định hình CTPS là bản sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp toàn bộ hoặc một phần bản định hình CTPS bằng bất kỳ phương tiện hay

⁷ Khoản 5, Khoản 7 Điều 3.

⁸ Điểm c Khoản 1 Điều 20 Luật SHTT.

⁹ Điểm a Khoản 1 Điều 30 Luật SHTT.

¹⁰ “Copies” are material objects, other than phonorecords, in which a work is fixed by any method now known or later developed, and from which the work can be perceived,

reproduced, or otherwise communicated, either directly or with the aid of a machine or device. The term “copies” includes the material object, other than a phonorecord, in which the work is first fixed”.

¹¹ Khoản 3 Điều 3 Nghị định 17/2023/NĐ-CP.

hình thức nào để từ đó có thể nhận biết, sao chép hoặc truyền đạt CTPS”.

Thứ ba, sửa đổi nội dung quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 31 Luật Sở hữu trí tuệ và bổ sung quy định hướng dẫn chi tiết: Mặc dù chưa có quy định giải thích, hướng dẫn chi tiết Điểm a Khoản 3 Điều 31 – “sao chép tạm thời theo một quy trình công nghệ, trong quá trình hoạt động của các thiết bị để truyền phát trong một mạng lưới giữa các bên thứ ba thông qua trung gian”, nhận thấy quy định này mô tả về quá trình sao chép phát sinh từ việc truyền tải và lưu trữ tạm thời bản định hình CTPS trong môi trường giữa các máy tính và tạo ra bản lưu trữ tạm thời trong RAM, trong đó có quá trình sao chép diễn ra trên Internet.

Để quy định của pháp luật được rõ ràng và hợp lý, điều quan trọng là các nhà làm luật phải hiểu được bản chất và nguyên lý hoạt động của quá trình sao chép trong môi trường Internet, đặc biệt là trong các dịch vụ OTT. Cụ thể, quá trình truyền tải các bản định hình của chương trình truyền hình qua Internet, như trong các nền tảng OTT (ví dụ: Netflix, YouTube), yêu cầu dữ liệu phải được truyền qua bộ nhớ truy cập ngẫu nhiên (RAM) của các máy chủ trung gian. Sau đó, dữ liệu mới được hiển thị trên màn hình máy tính của người dùng Internet hoặc tải xuống để lưu trữ trong bộ nhớ máy tính. Về bản chất, RAM là một bộ nhớ lưu trữ ngắn hạn, nơi dữ liệu chỉ được lưu trữ tạm thời và không thể tái tạo lại thành bản định hình CTPS hoàn chỉnh khi đang ở trong bộ nhớ RAM. Khi người dùng truy cập nội dung qua các dịch vụ OTT, dữ liệu chỉ được lắp ráp và hiển thị thành chương trình hoàn chỉnh sau khi tải xuống từ máy chủ của dịch vụ OTT. Đây là vấn đề quan trọng trong việc bảo vệ quyền tác giả, vì nội dung được sao chép tạm thời vào bộ nhớ RAM của các máy chủ trung gian và thiết bị của người dùng trước khi được hiển thị, gây ra những thách thức về pháp lý trong việc bảo vệ bản quyền đối với nội dung số. Từ việc phân tích quá trình trên, nhận thấy trong môi trường Internet, việc sao chép làm phát sinh bản sao lưu trữ tạm thời có những đặc trưng sau:

Một là, dữ liệu không hoàn chỉnh. Chỉ có một số dữ liệu nhất định chứ không phải là toàn bộ

dữ liệu đang truyền đi qua RAM của máy tính trung gian tại bất kỳ thời điểm nào.

Hai là, dữ liệu được truyền qua nhiều bên trung gian thứ ba trước khi đến máy tính cuối.

Ba là, dữ liệu có tính tạm thời. Dữ liệu trong RAM sẽ biến mất khi máy tính tắt và sẽ không thể khôi phục khi máy tính được mở lại. Ngoài ra, ngay cả khi máy tính đang hoạt động thì bản thân dữ liệu cũng được làm mới liên tục.

Ở khía cạnh kỹ thuật, việc lưu trữ dữ liệu trong RAM máy tính là hoạt động bắt buộc, do bản chất kỹ thuật tạo ra là một phần cần thiết và không thể tách rời của quy trình công nghệ, có mục đích duy nhất là cho phép truyền tải dữ liệu giữa các bên trung gian. Đây chính là lý do pháp luật Việt Nam không ghi nhận quá trình này thuộc phạm vi quyền sao chép mà chủ thể quyền được độc quyền thực hiện hoặc cho phép tổ chức, cá nhân khác thực hiện.

Qua phân tích bản chất của việc sao chép phát sinh từ việc truyền tải và lưu trữ tạm thời bản định hình CTPS trong môi trường Internet, nhận thấy quy định pháp luật cần thể hiện được những nội dung sau của quá trình này:

- Quá trình này là hoạt động bắt buộc theo quy trình công nghệ;

- Quá trình này diễn ra trong quá trình hoạt động bình thường của các thiết bị trung gian mang nhiệm vụ truyền tải dữ liệu trong một mạng lưới giữa các bên thứ ba.

Với những đặc điểm trên, kiến nghị sửa đổi quy định ở Điểm a Khoản 3 Điều 31 Luật SHTT như sau:

- Sửa đổi ý “sao chép tạm thời theo một quy trình công nghệ” thành “sao chép tạm thời **bắt buộc** diễn ra theo một quy trình công nghệ”;

- Sửa đổi ý “trong quá trình hoạt động của các thiết bị để truyền phát trong một mạng lưới giữa các bên thứ ba thông qua trung gian” thành “trong quá trình hoạt động **bình thường** của các **thiết bị trung gian có nhiệm vụ truyền phát dữ liệu trong một mạng lưới giữa các bên thứ ba**”.

Theo đó, nội dung của quy định trở thành: “Sao chép tạm thời **bắt buộc** diễn ra theo một quy trình công nghệ, trong quá trình hoạt động bình thường của các thiết bị trung gian có nhiệm

vụ truyền tải dữ liệu trong một mạng lưới giữa các bên thứ ba”.

Mặt khác, để nội dung quy định này trở nên rõ ràng và được hiểu một cách thống nhất, các nhà làm luật cần bổ sung quy định giải thích về điều luật này tại Nghị định 17/2023/NĐ-CP. Theo đó, cần giải thích những vấn đề như quy trình công nghệ, các bên thứ ba trong hệ thống trung gian truyền phát.

Thực tiễn cho thấy vấn đề bảo vệ quyền SHTT nói chung và bảo vệ quyền đối với CTPS trên môi trường Internet hiện nay đã mang lại những hiệu quả nhất định, song vẫn tồn tại nhiều hạn chế. Trong thời đại khoa học và công nghệ phát triển, SHTT ngày càng trở thành một công cụ quan trọng của doanh nghiệp để nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường. Vì lẽ đó, vấn đề bảo vệ quyền SHTT đối với CTPS trên Internet cần được nâng cao hiệu quả để đáp ứng những yêu cầu thực tiễn trong nước và hội nhập quốc tế. Để việc bảo vệ quyền SHTT được thực hiện tốt, công tác hoàn thiện cả quy định pháp luật, tạo cơ sở cho việc bảo hộ cần được hoàn thiện hơn nữa, tiếp đó là hoàn thiện cơ chế thực thi, bảo vệ quyền trên thực tế. Bên cạnh công tác hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật còn cần sự phối hợp của các cá nhân, tổ chức trong xã hội. Các chủ thể quyền SHTT đối với CTPS trên môi trường Internet có thể nghiên cứu phát triển các công cụ chặn quảng cáo, theo đó ngoài việc áp dụng biện pháp gửi thư cảnh báo trang web lậu đến các nhà quảng cáo như ở Hàn Quốc, với tình trạng có nhiều quảng cáo những nội dung trái phép như các trang web bóng đá, phim lậu ở Việt Nam thì cần một biện pháp xử lý mạnh tay hơn, đó là phát triển và áp dụng các công cụ chặn quảng cáo, đẩy những trang web này đến việc thiếu kinh phí để duy trì hoạt động. Bản thân người xem, người sử dụng dịch vụ Internet cần nâng cao ý thức lựa chọn các chương trình có bản quyền, cùng với đó các cơ quan có thẩm quyền cần thực hiện các biện pháp tuyên truyền, giáo dục về vấn đề bản quyền cho người xem ngay trong các chương trình, bản tin, phát triển các nội dung truyền thông, giáo dục

khác để tuyên truyền, phổ biến. Ngoài ra, các tổ chức phát sóng, doanh nghiệp cần đẩy mạnh hoạt động mua bản quyền các CTPS để người xem không phải tìm đến những trang web trái phép khi muốn xem một chương trình, chẳng hạn như một giải đấu bóng đá, xây dựng nhiều website, các ứng dụng, các kênh xem bóng đá có bản quyền hơn nữa, để tăng mức độ cạnh tranh với website trái phép, từ đó thu hút người dùng, giúp cho người dùng thay đổi thói quen để lựa chọn các chương trình có bản quyền.

Tài liệu tham khảo

- [1] G. Rafiei, The Possibility of Granting New Legal Protection and IP Rights to Broadcasting Organizations Against the Unauthorized Exploitation of Their Broadcasts, Doctoral Thesis, University of Neuchâtel, Switzerland, 2015.
- [2] I. Atanasova, Copyright Infringement in Digital Environment, The Journal of Law and Economics, Vol. 1, No. 1, 2019, pp. 13-22.
- [3] H. Ulianova, N. Baadzhy, O. Podoliev, D. Vlasiuk, H. Chumachenko, Protection of Intellectual Property Rights in the Field of Television and the Internet. The Notion of Teleformat, Ius Humani Law Journal, Vol. 10, No. 1, 2021, pp. 1-10.
- [4] F. A. Sagüés, Broadcasting Rights on the Internet, A Thesis for the Degree of Advanced LL.M. in European and International Business Law, Leiden University, Netherlands, 2014.
- [5] N. P. D. Linh, Protection of Copyright and Related Rights for Television Programs, Doctoral Thesis in Law, Hanoi Law University, Hanoi, 2024 (in Vietnamese).
- [6] N. N. D.Uyen, Liability of Intermediary Service Providers for Copyright Infringement in the Digital Environment, Vietnam Journal of Science and Technology, No. 09A, 2023, pp. 12-14 (in Vietnamese).
- [7] N. P. Thao, Copyright Protection under the Impact of Industry 4.0, Vietnam Journal of Science and Technology, No. 12A, 2022, pp. 22-25 (in Vietnamese).
- [8] H. Phe (chief editor), Vietnamese Dictionary, Hong Duc Publishing House, Hanoi, 2018 (in Vietnamese).